

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Hệ thống thông tin quản lý**
(Management Information Systems – MIS)
Chuyên ngành: **Tin học quản lý**
(Management Informatics)

Bậc đào tạo: **Đại học**
Hệ: **Chính quy**
Hình thức đào tạo: **Tín chỉ**
Khóa tuyển sinh: **2016**

Tp.Hồ Chí Minh, Tháng 10/2015

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT (Tiếng Việt)

CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSLT.....	Cơ sở lập trình
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTDL & GT	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
CTDL	Cấu trúc dữ liệu
CNTT	Công nghệ thông tin
DN.....	Doanh nghiệp
DSLK.....	Danh sách liên kết
ĐH.....	Đại học
HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
HTTT	Hệ thống thông tin
HP	Học phần
HT	Hệ thống
Hệ QTCSDL	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
KTLT	Kỹ thuật lập trình
KHTN	Khoa học tự nhiên
LT	Lý thuyết
TH.....	Thực hành
TC	Tín chỉ
TT	Truyền thông
THKT.....	Tin học kế toán
QTKD	Quản trị kinh doanh
QTDN	Quản trị doanh nghiệp
QTDA	Quản trị dự án
QTDAPM	Quản trị dự án phần mềm
QH.....	Quan hệ

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT **(Tiếng Anh)**

ASP	Active Server Pages
AIS	Accounting Information Systems
BFD.....	Business Function Diagram
CRM	Customer Relationship Management
DFD	Data Flow Diagram
DSS	Decision Support Systems
DML	Data Manipulation Language
DDL	Data Definition Language
DBMS	Database Management Systems
ERP	Enterprise Resources Planning
ES.....	Expert Systems
ESS	Executive Support Systems
HTML	HyperText Markup Language
PHP	Hypertext Preprocessor
MIS	Management Information Systems
MPS	Material Requirement Planning
IT.....	Information Technology
IIS	Internet Information Services
LAN	Local Area Network
SOP	Sales and Operation Planning
WAN.....	Wide Area Network
UML	Unified Modeling Language

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Tin học Quản lý (Management Informatics)**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)**

Mã ngành đào tạo : **D340405**

Niên khóa đào tạo : **2015 - 2019**

Loại hình đào tạo : **Chính quy – Hệ tín chỉ**

(Ban hành kèm theo quyết định số: ngày .../.../.....
của Hiệu trưởng trường Đại Học Tài Chính - Marketing)

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**1.1. Văn bản pháp lý:**

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ban hành qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư số: 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”;
- Quyết định số: 378/TTg ngày 23/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015 – 2017”;
- Thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012 của trường Đại học Tài Chính – Marketing quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ;
- Thông báo số: 889/ĐHTCM-QLKH ngày 16/09/2015 của trường Đại học Tài Chính – Marketing về chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ đại học.

1.2. Đối tượng tham khảo:

- Chương trình đào tạo trong nước: đã tham khảo chương trình của các trường đại học Hoa Sen, đại học Kinh tế - Luật, đại học Ngân hàng;

- Chương trình đào tạo của các trường đại học nước ngoài: University of Houston, The Help University, University of Georgia, Bellevue University, Singapore Management University (SMU);
- Ý kiến của doanh nghiệp hợp tác đào tạo: Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex, công ty cổ phần phần mềm Bravo, công ty TNHH Lối Việt, Công ty TNHH Fsmart, Công ty cổ phần Sài Gòn Tâm Điểm ...
- Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên.

1.3. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo:

- Căn cứ biên bản của Ban xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015 của khoa Công nghệ thông tin ngày 14/05/2015 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Hội nghị xây dựng chương trình đào tạo trường Đại học Tài Chính – Marketing).
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học khoa Công nghệ thông tin ngày 12/05/2014 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015.
- Hội thảo "Đào tạo nhân lực công nghệ thông tin và hệ thống thông tin đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp" tổ chức ngày 28/07/2015 và góp ý chương trình đào tạo với 7 doanh nghiệp tham gia góp ý
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng khoa học trường Đại học Tài Chính – Marketing ngày 31/08/2015 về việc đóng góp ý kiến xây dựng chương trình đào tạo khóa tuyển sinh 2015.

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo những cử nhân trình độ đại học có phẩm chất chính trị, năng lực tư duy và đạo đức nghề nghiệp; có phương pháp và kỹ năng làm việc phù hợp trong lĩnh vực hệ thống thông tin; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tin học, ngoại ngữ; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin; có khả năng hoạch định, tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng, triển khai và quản trị hệ thống thông tin của các tổ chức và doanh nghiệp, quản trị và khai thác các kho dữ liệu lớn. Chuyên môn nghiệp vụ được hướng vào bốn lĩnh vực chính theo lựa chọn của người học gồm:

- Hướng nghiên cứu về Hệ thống thông tin quản lý;
- Hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử;
- Hướng nghiên cứu về Công nghệ phần mềm;
- Hướng nghiên cứu về Thống kê dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.

2.2. Mục tiêu về kiến thức chuyên môn:

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương:** cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, xã hội nhân văn, kinh tế, quản trị học, ngoại ngữ, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và quản trị hệ thống thông tin.
- **Khối kiến thức chuyên ngành:** cung cấp kiến thức chuyên sâu phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin; kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu; tổ chức kho dữ liệu, khai thác dữ liệu liên quan đến các hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính; quản lý các đề án, dự án và nhóm

đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin; các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và kiến thức về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động.

- **Khối kiến thức bổ trợ:** người học được tự chọn kiến thức bổ sung theo từng khối ngành như: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Kế toán, Marketing, Tài chính,...

2.3. Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn:

- Có năng lực hoạch định, xây dựng và điều hành các đề án hệ thống thông tin; phân tích, đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính, hành chính và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu tại cơ quan và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế;
- Có năng lực tổ chức và phát triển các các hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), xây dựng và quản trị các hệ thống giao dịch thương mại và kinh doanh trực tuyến, quảng cáo trực tuyến (E-Marketing),...;
- Có năng lực về nghiên cứu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ công việc phân tích, tổng hợp, lập và đề xuất giải pháp thiết kế hệ thống thông tin, quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống máy tính để giải quyết các nghiệp vụ xử lý và phân tích hoạt động kinh tế trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và thương mại điện tử;
- Có năng lực nghiên cứu độc lập, năng lực quản lý và làm việc theo nhóm đề án để xây dựng và bảo trì các dự án công nghệ thông tin.

2.4. Mục tiêu về khả năng ngoại ngữ:

Với đối tượng là học sinh phổ thông có trình độ phổ biến tương đương chứng chỉ A Anh văn, sinh viên được trang bị 12 tín chỉ ngoại ngữ (tương đương 180 tiết), sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 405 theo chuẩn quốc tế (IIG tổ chức thi và ETS cấp chứng chỉ).

2.5. Mục tiêu về kỹ năng mềm để làm việc hiệu quả:

Để vận dụng có hiệu quả kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt 4 trong 8 các kỹ năng gồm:

a) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình;
- Kỹ năng làm việc nhóm.
- Kỹ năng quản lý thời gian.
- Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

b) Chọn 2 trong 4 kỹ năng cần cho việc tìm và làm việc:

- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh.
- Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Kỹ năng tìm việc.
- Kỹ năng khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

2.6. Mục tiêu về thái độ:

- Có bản lĩnh và ý thức chính trị về đường lối cách mạng của Đảng và vai trò lãnh đạo của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, tinh thần yêu nước, yêu nghề, tuân thủ pháp luật, giữ vững đạo đức nghề nghiệp;
- Có tinh thần vượt khó, tích cực và năng động trong học tập, nghiên cứu để nâng cao hiệu quả trong học tập và môi trường công tác;
- Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức theo sự phát triển của công nghệ và môi trường công tác;
- Am hiểu các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiêm túc chấp hành luật pháp; tôn trọng và thực hiện tốt nội quy, quy chế của nhà trường;
- Tích cực tham gia sinh hoạt và thể hiện trách nhiệm đối với các công tác tập thể, hoạt động xã hội, văn thể mỹ của cộng đồng.

2.7. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức, tính kỷ luật, luôn tự rèn luyện nâng cao năng lực chuyên môn.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau
- Có ý thức học và tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Tích cực tham gia các hoạt động phong trào.
- Có ý thức tham gia các hoạt động cộng đồng và có trách nhiệm với cộng đồng.
- Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp.

3. CÁC VỊ TRÍ CÔNG VIỆC CÓ THỂ ĐẢM NHẬN KHI TỐT NGHIỆP:

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Chuyên viên hoạch định, tư vấn, điều hành và triển khai các dự án Hệ thống thông tin/Công nghệ thông tin ([IS/IT Project manager](#)).
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ ([BA - Business Analyst](#)).
- Chuyên viên phân tích hệ thống ([SA - System Analyst](#)).
- Chuyên viên phát triển hệ thống thông tin ([IS Developer](#)).
- Chuyên viên quản trị hệ thống thông tin ([IS Officer](#)).
- Lập trình viên ([Programmer](#)).
- Chuyên viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin ở các viện, trung tâm, cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và phổ thông.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ (Tính bằng số tín chỉ)

Gồm 130 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (3 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2014.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo:

Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Theo quy định tại Điều 29, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012, và quy định về chuẩn đầu ra của trường.
- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ TOEIC từ 405 trở lên hoặc tương đương (do IIG tổ chức và ETS cấp chứng chỉ quốc tế).

7.3. Khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên viết khóa luận tốt nghiệp theo quy định ở Điều 27, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

8. THANG ĐIỂM

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định tại Điều 25, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương:33

33 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

9.1.1. Lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh..... 10 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
1		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (The basic Principles of Marxism-Leninism 1)	2	30		HK1
2		Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (The basic Principles of Marxism-Leninism 2)	3	45		HK2

3		Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	30		HK3
4		Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (Vietnam Communist Party's Revolutionary Policies)	3	45		HK4
TỔNG			10	150		

9.1.2. Khoa học xã hội:3 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
5		Pháp luật đại cương (General Laws)	3	45		HK3
TỔNG			3	45		

9.1.3. Ngoại ngữ:12 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
6		Anh văn 1 (English 1)	3	45		HK2
7		Anh văn 2 (English 2)	3	45		HK3
8		Anh văn 3 (English 3)	3	45		HK4
9		Anh văn 4 (English 4)	3	45		HK5
TỔNG			12	180		

9.1.4. Toán-Tin học-Khoa học TN-Công nghệ-Môi trường:8 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
10		Toán cao cấp (Advanced Maths)	4	60		HK1
11		Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	30	HK1
TỔNG			8	105	30	

9.1.5. Giáo dục thể chất:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
12		Giáo dục thể chất (Physical Training)	4			HK1,2,3,4
		TỔNG	4			

9.1.6. Giáo dục quốc phòng:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
13		Giáo dục quốc phòng (Military Training)	8			HK1
		TỔNG	8			

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 97 tín chỉ

9.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành:6 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
14		Kinh tế vi mô I (Microeconomics – Part 1)	3	45		HK1
15		Kinh tế vĩ mô I (Macroeconomics – Part 1)	3	45		HK2
		TỔNG	6	90		

9.2.2. Kiến thức của ngành chính:

9.2.2.1. Kiến thức chung của ngành chính.....27 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
16		Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45		HK2
17		Quản trị học (Management Studies)	3	45		HK3
18		Toán rời rạc (Discrete Maths)	3	45		HK3
19		Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)	3	30	30	HK4

20		Cơ sở lập trình (Basic Programming)	3	30	30	HK1
21		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure and Algorithm)	3	30	30	HK2
22		Cơ sở dữ liệu (Databases)	3	30	30	HK3
23		Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theories of Probability and statistics)	3	45		HK2
25		Mô hình toán kinh tế (Econometrics Models)	3	45		HK4
		TỔNG	27	345	120	

9.2.3. Kiến thức chuyên ngành:50 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
26		Phát triển hệ thống thông tin quản lý (Management Information System Development)	3	30	30	HK5
27		Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP - Enterprise Resource Planning)	3	30	30	HK6
28		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (SQL Server Database Management System)	3	30	30	HK4
29		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle 1 (Oracle Database Management System – Part 1)	3	30	30	HK6
30		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle 2 (Oracle Database Management System – Part 2)	2	15	30	HK7
31		Lập trình C#.NET 1 (C# Programming – Part 1)	3	30	30	HK4
32		Lập trình C#.NET 2 (C# Programming – Part 2)	2	15	30	HK5
33		Lập trình ASP.NET 1 (ASP.NET Programming – Part 1)	3	30	30	HK5
34		Lập trình ASP.NET 2 (ASP.NET Programming – Part 2)	2	15	30	HK6
35		Lập trình Java (Java Programming)	3	30	30	HK6
36		Lập trình trên thiết bị di động (Mobile Programming)	3	30	30	HK7
37		An toàn thông tin (Information Security)	3	30	30	HK7
38		Khai phá dữ liệu (Data Mining)	3	30	30	HK5

39		Quản trị dự án phần mềm (Softwares Project Management)	3	30	30	HK6
40		Phân tích và thiết kế hướng đối tượng (Object Oriented Analysis and Design)	3	30	30	HK7
40		Điện toán đám mây (Cloud Computing)	3	30	30	Chọn 6 tín chỉ
41		Thương mại điện tử (E-Commerce)	3	45		
42		Hệ hỗ trợ ra quyết định (Decision Support System)	3	30	30	
43		Lập trình PHP (PHP Programming)	3	30	30	
45		Thực hành nghề nghiệp (Practicum)	2			HK7
		TỔNG	50			

9.2.4. Kiến thức bổ trợ 6 tín chỉ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
46		Nguyên lý Marketing (Principles of Marketing)	3	45		Chọn 2 trong 8
47		Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	3	45		
48		Kế toán tài chính 1 (Finance Accounting – Part 1)	3	45		
49		Quản trị nhân lực (Human Resource Management)	3	45		
50		Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	3	45		
51		Internet Marketing	3	45		
52		Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45		
53		Quản trị bán hàng (SalesManagement)	3	45		
		TỔNG	6	90		

9.2.5. Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp8 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
54		Khóa luận tốt nghiệp (BS/BA Thesis)	8			
		TỔNG	8			

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

10.1. Học kỳ I:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Toán cao cấp	4	60		
2		Tin học đại cương	4	45	30	
3		Cơ sở lập trình	3	30	30	
4		Kinh tế vi mô 1	3	45		
5		Những NLCB của CNML 1	2	30		
6		Giáo dục thể chất	1			
7		Giáo dục quốc phòng	8			
		TỔNG CỘNG	15	210	60	

10.2. Học kỳ II:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn 1	3	45		
2		Những NLCB của CNML 2	3	45		
3		Kinh tế vĩ mô 1	3	45		
4		Nguyên lý kế toán	3	45		
5		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30	
6		Lý thuyết XS và TK toán	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
		TỔNG CỘNG	18	255	30	

10.3. Học kỳ III:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn 2	3	45		
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
3		Toán rời rạc	3	45		
4		Quản trị học	3	45		
5		Cơ sở dữ liệu	3	30	30	
6		Pháp luật đại cương	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
TỔNG CỘNG			17	240	30	

10.4. Học kỳ IV:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn 3	3	45		
2		Đường lối CM của Đảng CSVN	3	45		
3		Lập trình C#1.NET	3	30	30	
4		Hệ thống thông tin quản lý	3	30	30	
5		Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	30	30	
6		Mô hình toán kinh tế	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
TỔNG CỘNG			18	225	90	

10.5. Học kỳ V:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn 4	3	45		
2		Lập trình C# 2.NET	2	15	30	

3		Lập trình ASP.NET 1	3	30	30	
4		Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	30	30	
5		Khai phá dữ liệu	3	30	30	
6	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)					
		Chọn theo nhóm kiến thức bổ trợ	3			Chọn 3 tín chỉ
		TỔNG CỘNG	17	150	120	

10.6. Học kỳ VI:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Hệ thống hoạch định nguồn lực DN	3	30	30	
2		Lập trình ASP.NET2	2	15	30	
3		Lập trình Java	3	30	30	
4		Hệ quản trị CSDL Oracle 1	3	30	30	
5		Phân tích và thiết kế HĐT	3	30	30	
6	Học phần tự chọn					
		Điện toán đám mây	3	30	30	Chọn 3 tín chỉ
		Hệ hỗ trợ ra quyết định (DSS)	3	30	30	
7	Học phần tự chọn (kiến thức bổ trợ)					
		Chọn theo nhóm kiến thức bổ trợ	3			Chọn 3 tín chỉ
		TỔNG CỘNG	20			

10.7. Học kỳ VII:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Hệ quản trị CSDL Oracle 2	2	15	30	
2		Lập trình trên thiết bị di động	3	30	30	
3		An toàn thông tin	3	30	30	

4		Quản trị dự án phần mềm	3	30	30	
5		Thực hành nghề nghiệp	2			
6	Học phần tự chọn					
		Thương mại điện tử	3	45		Chọn 3 tín chỉ
		Lập trình PHP	3	30	30	
		TỔNG CỘNG	16			

10.8. Học kỳ VIII:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Thực tập & viết khóa luận TN	8			
		TỔNG CỘNG	8			

11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN:

1) Tin học đại cương:4 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Basic Informatics**
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2010 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, *Giáo trình Tin học đại cương – tái bản lần 3*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2015.

[2] Joan Preppernau and Joyce Cox, *Windows 7 Step by Step*, Microsoft Press, 2010

[3] Moffat Stephen, *Excel 2010 Introduction Part I*, Stephen Moffat & Ventus Publishing ApS, 2011. ISBN 978-87-7681-804-3.

[4] Maffat Stephen, *World 2010 Advanced*, The Mouse Training Company, 2010.

[5] Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Power Point 2010*.

2) Toán rời rạc:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Discrete Mathematics**
- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] Đặng Huy Ruận , *Lý thuyết đồ thị và ứng dụng*, NXB KHKT 2001.
 - [2] Đinh Ngọc Thanh, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Trung Đông, Nguyễn Duy Nhất, *Toán Rời Rạc (lưu hành nội bộ)*, 2013.
 - [3] Đỗ Đức Giáo, *Toán rời rạc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2000.
 - [4] Nguyễn Hữu Anh, *Toán rời rạc*, NXB Giáo dục 1999.
 - [5] Phạm Văn Thiều, Đặng Hữu Thịnh (dịch), *Toán rời rạc ứng dụng trong tin học*, NXB Khoa học kỹ thuật 2003.

3) Hệ thống thông tin quản lý:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Management Information System**
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức tin học và kinh tế để giải quyết các bài toán liên quan lĩnh vực kinh tế; Cách tiếp cận khảo sát hiện trạng và nhu cầu; Kỹ năng phân tích, thiết kế hệ thống, cách thiết kế các mô hình dòng dữ liệu, sơ đồ phân cấp chức năng, sơ đồ khối, quy trình nghiệp vụ; Mức độ tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp; Cách thức tổ chức, xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp. Phân loại các hệ thống thông tin và tầm quan trọng của chất lượng dữ liệu đối với các hệ thống thông tin quản lý. Thực hành thành thạo trên phần mềm chuyên dụng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống thông tin quản lý*, 2014.
 - [2] Mac GrawHill, *Management Information System*, 2012.
 - [3] Stephen R.Chach, *Object – Oriented Analysis and Design with UML and the Unified process*, McGraw –Hill, 2004.
 - [4] Thomson Corp, *Management Information Systems*, 2005.

4) Cơ sở lập trình:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Basic Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Không

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm và nguyên lý cơ bản của việc thiết kế thuật toán và lập chương trình cho máy tính điện tử. Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ sở về thuật toán và chương trình, các cấu trúc dữ liệu tiền định trong ngôn ngữ thuật toán, các cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật lập trình căn bản để giải các bài toán quản lý mà đặc biệt là kỹ thuật thiết kế “*trên xuống (Top – Down Design)*” và kỹ thuật lập chương trình con. Một ngôn ngữ lập trình thông dụng sẽ được dùng làm phương tiện để trình bày.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] Phạm Thủy Tú, Trần Trọng Hiếu, *Bài giảng Cơ sở lập trình*, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2014.
 - [2] Herbert Schildt, *C++ A Beginner’s Guide*, Osborne/McGraw Hill, 2012.

5) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Data Structure and Algorithm**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức và tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu. Các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] Phạm Thủy Tú, *Bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2013.
 - [2] Kurt Mehlhorn & Peter Sanders, *Data Structures and Alogorithm*, 2008.

6) Cơ sở dữ liệu:3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Databases**
- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị cơ sở dữ SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL). Mô hình quan hệ và đại số quan hệ. Ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu. Cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1] David Maier, *The Theory of Relational Databases*.
 - [2] Đỗ Trung Tuấn, *Cơ sở dữ liệu*.
 - [3] Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn An Tế, *Nhập môn cơ sở dữ liệu*.
 - [4] Lê Tiến Vương, *Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2000.
 - [5] Nguyễn Bá Tường, *Cơ sở dữ liệu – lý thuyết và thực hành*.

[6] Nguyễn Xuân Huy, Lê Hoài Bắc, *Bài tập cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản Thống kê, 2003

[7] Trần Minh Tùng, *Bài giảng Cơ sở dữ liệu*, 2014.

7) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.....3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **SQL Server Database Management System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Andrew J. (Andy) Oppel, FPT Polytechnic (dịch), *Nhập môn cơ sở dữ liệu*, NXB Tri thức, 2013.
 - [2]. Dương Tuấn Anh, Nguyễn Trung Trực, *Hệ cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2009.
 - [3]. George Peck, *Microsoft SQL Server 2008 Step by Step*, Microsoft Press, 2008.
 - [4]. Stacia Misner, *Microsoft SQL Server 2008 Reporting Services Step by Step*, Microsoft Press, 2009.
 - [5]. Trần Minh Tùng, Trần Thanh San, *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server*, 2014.

8) Phát triển hệ thống thông tin quản lý:.....3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Management Information System Developer**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức và phương pháp phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán ứng dụng liên quan đến lĩnh vực kinh tế; Các phương pháp khảo sát hiện trạng và yêu cầu khi xây dựng một hệ thống thông tin quản lý; Cách tiếp cận để phân tích, thiết kế và cài đặt cơ sở dữ liệu trên các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau như: SQL Server, Oracle, mySQL,... dựa trên kết quả khảo sát hiện trạng và yêu cầu nhằm đạt mục tiêu đề ra khi tin học hóa các hệ thống thông tin quản lý trong môi trường nhiều người dùng; Cách phát hiện và cài đặt các ràng buộc toàn vẹn; Cách tiếp cận khi phân tích, thiết kế và mô hình xử lý.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Elmasri, Navathe, *Fundamentals of Database Systems*, Addison Wesley, 2003.
 - [2]. Morgan Kaufmann, *Database Design: Know It All*, 2003.
 - [3]. Nguyễn Văn Ba, *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
 - [4]. Sikha Bagui, Richard Earp, *Database Design Using Entity-Relationship Diagrams*, Auerbach, 2003.

[5]. Ramakrishnan, *Database Management Systems*, McGraw-Hill, 2003.

[6]. Rebecca M. Riordan, *Designing Relational Database Systems*, Microsoft Press, 1999

9) Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle:3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Oracle Database Management System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Được trang bị các kiến thức chuyên sâu về kiến trúc hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, truy xuất cơ sở dữ liệu đồng thời, thiết lập kết nối theo mô hình máy trạm/máy chủ (client/server); Cấu trúc cơ sở dữ liệu Oracle; Ngôn ngữ truy vấn PL/SQL; cú pháp các câu lệnh tạo và hủy khung nhìn, thủ tục, hàm và gói. Cấu trúc các khối lệnh bên trong mỗi câu lệnh cùng với những ưu điểm khi người dùng truy xuất dữ liệu thông qua các đối tượng này và xử lý các ngoại lệ. Trang bị kiến thức tạo cơ sở dữ liệu, khởi động và tắt cơ sở dữ liệu trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle; Các hoạt động và dịch vụ mạng; Quản lý truy xuất đồng thời trong môi trường nhiều người dùng; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn; Quản trị người dùng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Lance Ashdown, *Oracle Database Backup and Recovery Reference 11g*, Oracle, 2010.
 - [2]. Lance Ashdown, *Oracle Database Backup and Recovery Reference 11g*, Oracle, 2010.
 - [3]. Sheila Moore, *Oracle Database PL/SQL Language Reference*, 11g Release 2, Oracle, 2010.
 - [4]. Sheila Moore, *Oracle Database PL/SQL Language Reference*, 11g Release 2, Oracle, 2010.
 - [5]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle*, 2010.

10) Lập trình C#.NET 13 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **C#.Net Programming – Part 1**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức lập trình hướng đối tượng dựa trên ngôn ngữ C#.NET. Xây dựng các ứng dụng trên Windows Application và Console Application thông qua các hàm và thủ tục do người dùng định nghĩa trong lớp hoặc không gian tên. Xây dựng các ứng dụng với các điều khiển thông dụng và lập trình thông qua các lớp kế thừa nhằm tăng tính mở rộng, tính sử dụng lại,... trong kỹ thuật lập trình hướng đối tượng.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Nguyễn Thanh Trường, *Bài giảng Lập trình C#1*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [2]. John Sharp, *Microsoft Visual C# 2010 Step by Step*, Microsoft Press, 2010.

11) Lập trình C#.NET 22 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **C#.Net Programming – Part 2**
- Điều kiện tiên quyết: Lập trình C#.NET 1, Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về cách kết nối và lập trình truy xuất dữ liệu và các đối tượng cơ sở dữ liệu trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: MySQL, SQL Server,

Oracle; Truy xuất và thực hiện các thao tác với cơ sở dữ liệu thông qua các đối tượng SqlCommand, SqlDataAdapter,...; Gọi và thực thi các hàm, thủ tục và khung nhìn được lưu trữ trong SQL Server và Oracle; Trình diễn dữ liệu và thiết kế các mẫu báo cáo thông qua đối tượng Crystal Report khi triển khai các hệ thống thông tin quản lý trong các doanh nghiệp.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Thanh Trường, *Bài giảng Lập trình C#2*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

[2]. John Sharp, *Microsoft Visual C# 2010 Step by Step*, Microsoft Press, 2010.

12) Lập trình ASP.NET 13 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **ASP.Net Programming – Part 1**

– Điều kiện tiên quyết: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức căn bản về phần mềm thiết kế Web theo công nghệ của Microsoft; Cấu trúc tổ chức tập tin HTML và ngôn ngữ lập trình VB.NET hoặc C# hỗ trợ việc thiết kế Web; Các thư viện hàm và các cấu trúc điều khiển khi xây dựng các ứng dụng Web.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. George Shepherd, *ASP.NET 4 Step By Step*, Microsoft Corporation

[2]. Jim Buyens, *Web Database Development Step by Step*, Microsoft Corporation.

[3]. Lê Đình Ngân, *Bài giảng Kỹ thuật lập trình ASP.NET*, 2013.

13) Lập trình ASP.NET 22 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **ASP.Net Programming – Part 2**

– Điều kiện tiên quyết: Lập trình ASP.NET 1, SQL Server

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về phần mềm thiết kế Web theo công nghệ của Microsoft; Cách thức xây dựng một dự án Web với ASP.NET cùng các công cụ thiết kế (Toolbox); Truy xuất cơ sở dữ liệu SQL Server thông qua ngôn ngữ VB.NET; Bảo mật trong ASP.NET; Thiết kế Website thương mại điện tử.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. Christian Darie and Karli Watson, *Beginning ASP.NET E-Commerce in C# From Novice to Professional*, 2009

[2]. George Shepherd, *ASP.NET 4 Step By Step*, Microsoft Corporation.

[3]. G. Andrew Duthie, *Microsoft ASP.Net Step by Step*, Microsoft Corporation.

[4]. Jim Buyens, *Web Database Development Step by Step*, Microsoft Corporation.

[5]. Lê Đình Ngân, *Bài giảng Kỹ thuật lập trình ASP.NET*, 2013.

14) Lập trình PHP3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **PHP Programming**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về phần mềm mã nguồn mở phổ biến trong thiết kế Web; cấu trúc thiết kế một dự án Web với PHP; các toán tử, cấu trúc điều khiển và các ông cụ thiết kế Web; thiết kế và quản lý với cơ sở dữ liệu mã nguồn mở MySQL; thiết kế máy chủ ảo Apache.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Kevin Tatroe, *Programming PHP*, O'Reilly Media, 2013
 - [2]. Kevin Tatroe, Peter MacIntyre, Rasmus Lerdorf, *Programming PHP, 3rd Edition Creating Dynamic Web Pages*, O'Reilly Media, 2013.
 - [3]. Robin Nixon, *Learning PHP, MySQL & JavaScript: With jQuery, CSS & HTML5*, 2014.
 - [4]. Lê Đình Ngân, Trương Xuân Hương, *Bài giảng Lập trình PHP*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường ĐH Tài chính - Marketing.

15) Lập trình Java.....3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Java Programming**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các kiến thức căn bản về ngôn ngữ lập trình java; cách thiết kế một dự án với java; khai báo biến, các toán tử, cấu trúc điều khiển và phương pháp truy xuất cơ sở dữ liệu với java. Mục tiêu cuối của học phần này là thiết kế được cơ bản một dự án bằng công nghệ java
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Burd, *Beginning Programming with Java For Dummies*, 2013.
 - [2]. Herbert Schildt, *Java: A Beginner's Guide*, 2014
 - [3]. Lê Đình Ngân, *Bài giảng Lập trình Java*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

16) An toàn thông tin3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Information Security**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về bảo mật và an toàn dữ liệu; tầm quan trọng của an toàn thông tin trong kỷ nguyên internet; các phương thức tấn công thâm nhập hệ thống mạng; các phương pháp mã hoá đối xứng và cơ sở hạ tầng khoá công khai, chứng thực điện tử và một số giải pháp bảo mật khác.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Douglas R. Stinson, *Cryptography Theory and Practice*, University of Nebraska- Lincoln.
 - [2]. Man Young Rhee, Wilay, *Internet Security - Cryptographic Principles, Algorithms and Protocols*.
 - [3]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng An toàn thông tin*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính - Marketing.

17) Khai phá dữ liệu3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Data Mining**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp những kiến thức căn bản của khai phá dữ liệu: được xem như là một bước của quá trình khám phá tri thức. Cách thực hiện các bước cốt lõi trong khai phá dữ liệu như: xác định vấn đề và không gian dữ liệu để giải quyết vấn đề, chuẩn bị dữ liệu (làm sạch dữ liệu, tích hợp dữ liệu, chọn dữ liệu, biến đổi dữ liệu,...). khai thác dữ liệu, đánh giá kết quả và triển khai. Trong mỗi bước, sinh viên cũng được làm quen với một vài thuật toán căn bản để sử dụng khi khai phá dữ liệu (thuật toán gom cụm, thuật toán phân nhóm, thuật toán luật kết hợp,...). Sinh viên thực hành và tìm ra những kết quả khi tiến hành khai phá dữ liệu trên các bộ dữ liệu có kích thước lớn.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Mohammed Zaki and Wagner Meira Jr, *Data Mining and Analysis: Fundamental Concepts and Algorithms*, Cambridge University Press, 2014.
 - [2]. M.M. Gaber, *Scientific Data Mining and Knowledge Discovery — Principles and Foundations*, Springer, 2010.
 - [3]. Trần Thanh San, *Bài giảng khai phá dữ liệu*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

18) Quản trị dự án phần mềm3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Softwares Project Management**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những khái niệm về dự án, phân loại dự án, các giai đoạn xây dựng một dự án phần mềm. Xây dựng đề cương dự án phần mềm. Tổ chức thực hiện dự án. Lập kế hoạch và triển khai dự án phần mềm thông qua sơ đồ Pert, sơ đồ Grantt. Quản trị rủi ro và ước lượng chi phí dự án khi triển khai một dự án phần mềm phục vụ các hoạt động của doanh nghiệp.
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Cao Hào Thi, Nguyễn Thị Thúy Loan, *Quản lý dự án*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2004.
 - [2]. Đỗ Bá Khang, *Tập bài giảng quản lý dự án ODA*, khóa đào tạo ngày 3/12/2001-14/12/2001 tại Tp.HCM.
 - [3]. Jack R. Meredith, Samuel J. Mantel, *Project Management*, John Wiley & Sons, 2004.
 - [4]. Nguyễn Minh Đức, *Hướng dẫn sử dụng Microsoft Project trong lập và quản lý dự án*, Nhà xuất bản Xây dựng, 2002.
 - [5]. Nguyễn Minh Nhị, *Phương pháp quản trị dự án*, 2005.
 - [6]. Nguyễn Minh Nhị, *Project Management body of Knowledge*, PMBOK, 2005.
 - [7]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Quản trị dự án phần mềm*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

19) Điện toán đám mây3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Cloud Computing**

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, SQL Server
- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về điện toán đám mây và các nguồn tài nguyên không lồ như: phần mềm, dịch vụ,...; ba mô hình cơ bản của điện toán đám mây gồm: dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ cung cấp nền tảng và dịch vụ phần mềm. Với các dịch vụ sẵn có của điện toán đám mây trên mạng Internet, các tổ chức và doanh nghiệp chỉ cần tập trung vào kinh doanh lĩnh vực riêng nhưng không phải trang bị một hệ thống máy tính, các phần mềm chuyên dụng, đội ngũ bảo trì,... vì đã có những công ty dịch vụ điện toán đám mây đảm nhận cơ sở hạ tầng và phần mềm ứng dụng. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được làm quen và sử dụng một số các công cụ được cung cấp miễn phí trên mạng Internet bao gồm: Google Cloud, Icloud, DropBox, Zoho,...
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Jansen, Wayne & Grance, Timothy, *Guidelines on Security and Privacy in Public Cloud Computing*, National Institute of Standards and Technology, 2011.
 - [2]. Nguyễn Tiến Đạt, *Bài giảng Điện toán đám mây*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
 - [3]. Strowd, Harrison & Lewis, Grace. *T - Check in System – of - Systems Technologies: Cloud Computing*, Carnegie Mellon University, 2010.

20) Thương mại điện tử3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **E-Commerce**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về các mô hình kinh doanh trên mạng Internet, các thành phần cấu tạo nên một hệ thương mại điện tử, cách thức kinh doanh, thanh toán trong thương mại điện tử; những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành kinh doanh trực tuyến; kỹ năng nhận biết các mô hình kinh doanh trên mạng Internet; cách thức tấn công và các giải pháp phòng chống tấn công mạng thương mại điện tử; cách thức giao dịch và thanh toán trên mạng Internet,...
- Tài liệu tham khảo:
 - [1]. Donal O'mahoni-Micheal Peirce-HiTesh Tewari, *Electronic Payment Systems for E-Commerce*, Second Edition, Artech House, Computer security series, 2001
 - [2]. H.R.Machiraju, *Modern Commercial Banking*, Second Edition, New Age International (P), Ltd, 2008.
 - [3]. Nguyễn Thị Trần Lộc, *Bài giảng Thương mại điện tử*, Khoa Công nghệ Thông tin.
 - [4]. Turban-King-MacKay-Marshall-Lee-Viehland, *Electronic Commerce 2008 A managerial Perspective*, Pearson Education, 2008.

21) Hệ hỗ trợ ra quyết định3 tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Decision Support System**
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về hệ hỗ trợ quyết định gồm: khái niệm, cấu trúc, đặc trưng và các thành phần của hệ hỗ trợ quyết định, quản lý và khai thác dữ liệu, các

mô hình được sử dụng trong hệ hỗ trợ quyết định và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng mô hình, triển khai và ứng dụng hệ hỗ trợ quyết định để giải quyết các bài toán đa mục tiêu.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Clyde W. Holsapple and Frada Burstein (Editor), *Handbook on Decision Support Systems*, Berlin/Heidelberg: Springer-Verlag, 2008.
- [2]. Lê Văn Dực, *Bài giảng Hệ hỗ trợ quyết định*, Trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM.
- [3]. Jiawei Han and Micheline Kamber, *Data Mining: Concepts and Techniques*, Morgan Kaufmann, 2006..
- [4]. Mallach, E. G., *Decision Support and Data Warehouse Systems*, Irwin McGraw-Hill, 2000.
- [5]. Sauter, *Decision Support Systems*, John Willey & Sons, 1997.
- [6]. Trần Minh Tùng, *Bài giảng Hệ hỗ trợ ra quyết định*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.

22) Lập trình trên thiết bị di động.....4 tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **Mobile Programming**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Lập trình Java.

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các kiến thức về cách thức lập trình trên thiết bị di động với hệ điều hành mã nguồn mở Android; cách thức khai báo biến, toán tử và cấu trúc điều khiển; cách thức truy xuất và thao tác với cơ sở dữ liệu; Phương pháp thiết kế một ứng dụng trên thiết bị di động.

– Tài liệu tham khảo:

- [1]. Barry Burd, *Android Application Development*, 2014.
- [2]. *Developing Modern Mobile Web Apps: Patterns and Practices*, Microsoft Press, 2012.
- [3]. Lê Đình Ngân, Phạm Thủy Tú, *Bài giảng lập trình trên thiết bị di động*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- [4]. *Mobile Tutorials*, Embarcadero, 2014.
- [5]. Maximiliano Firtman, *Programming the Mobile Web*, O'Reilly Media, 2010
- [6]. Matt Neuburg, *iOS 8 Programming Fundamentals with Swift*, 2015
- [7]. *Tutorial: Windows Mobile Application Development*, Sysbase, 2011

23) Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp3 tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **ERP - Enterprise Resource Planning**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý.

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về lĩnh vực ERP trong hệ thống quản trị doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh doanh chính trong doanh nghiệp và tích hợp (integrated, cross-functional) giữa các nghiệp vụ. Hiểu và nắm vững các khái niệm trong ERP, quá trình triển khai ERP cho một doanh nghiệp và sự tích hợp các nghiệp vụ kinh doanh vào hệ thống ERP. Sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động của một công ty triển khai ERP như: Tư vấn nghiệp vụ (Business consultant), Tư vấn kỹ thuật (Technical consultant), Phân

tích hệ thống (Business Analysis), ... cũng như tham gia vào các hoạt động quản trị một hệ thống ERP đã được triển khai với vai trò là một chuyên viên IT của doanh nghiệp.

- Phần mềm sử dụng: Phần mềm về ERP.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Lâm Hoàng Trúc Mai, *Bài giảng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*, Khoa Công nghệ Thông tin – Trường ĐH Tài chính - Marketing.

[2]. Kenneth C. Laudon, Jane P. Laudons, *Management Information Systems: Managing the Digital Firm*, Prentice Hall Publishing House, 2006.

[3]. Simha R. Magal, Jeffrey Word, *Essentials of Business Processes and Information Systems*, WILEY, 2011.

[4]. Ralph M. Stair, Geogre W. Reynolds, *Principles of Information Systems – A Managerial Approach*, Ninth edition, 2010.

24) Phân tích thiết kế hướng đối tượng.....3 Tín chỉ

- Tên tiếng Anh: **Object Oriented Analysis and Design**

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin quản lý

- Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp các khái niệm cơ bản về cách tiếp cận hướng đối tượng và các mô hình hướng đối tượng. Phương pháp phân tích và thiết kế bài toán theo hướng đối tượng theo ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất UML. Phương pháp thiết kế và đặc tả sơ đồ lớp, sơ đồ cộng tác, sơ đồ tuần tự... thông qua các khung nhìn khác nhau của hệ thống. Thực hành thành thạo cách thiết kế các sơ đồ trên phần mềm chuyên dụng.

- Tài liệu tham khảo:

[1]. Craig Larman, *An Introduction to Object-Oriented Analysis and Design and Iterative Development*, Addison Wesley, 2004

[2]. Dương Anh Đức, *Phân tích thiết kế hệ thống bằng UML*, NXB Thống kê, 2002.

[3]. Đặng Văn Đức, *Phân tích thiết kế hướng đối tượng bằng UML*, NXB Giáo dục, 2002.

[4]. Maciaszek, L.A, *Requirements Analysis and System Design. Developing Information Systems with UML*, Addison Wesley, 2004.

[5]. Stephen R.Chach, *Object – Oriented Analysis and Design with UML and the Unified process*, McGraw –Hill, 2004.

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào Tạo, Phòng Khảo thí, Phòng Quản lý Chất lượng và các Phòng – Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo đúng qui chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

12.2. Phương pháp đào tạo:

- Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự đào tạo của sinh viên, đề cao và khuyến khích tính học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm, chú trọng đến thực hành các môn học chuyên ngành.
- Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch giảng dạy và có kế hoạch, phổ biến đến sinh viên để có hướng chuẩn bị học tích cực.
- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn học thuộc khoa quản lý như:
 - ✓ Thảo luận: giảng viên giảng dạy các nội dung cơ bản và mở rộng vấn đề, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị sinh viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.
 - ✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế.
 - ✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ,...
- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

13.1. Cơ sở vật chất của trường:

- Hiện nay, cơ sở vật chất của Trường đại học Tài chính – Marketing phục vụ cho đào tạo như sau:
- Số cơ sở đào tạo: 4 cơ sở.
 - ✓ Cơ sở 1: Số 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 2: Số 2C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 3: Số 458/3F Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM;
 - ✓ Cơ sở 4: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Quận 7, TP.HCM.

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1. Diện tích đất trường quản lý, sử dụng	ha	2,66298
– Diện tích đất trường có quyền sử dụng đất	ha	0,98378
– Diện tích đất nhà trường thuê/mượn	ha	1,6792
2. Số cơ sở đào tạo	cơ sở	04
3. Diện tích xây dựng cơ sở đào tạo	m ²	3.506

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
3.1. Phòng làm việc cán bộ quản lý, giảng viên	m ²	740
– Số phòng	phòng	24
– Diện tích sử dụng	m ²	740
– Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /người	
3.2. Giảng đường/phòng học	m ²	10.227
– Số phòng	phòng	119
– Diện tích sử dụng	m ²	10.227
3.3. Hội trường	m ²	1.390
– Số phòng	phòng	03
– Diện tích sử dụng	m ²	1.390
3.4. Phòng máy tính		
– Diện tích sử dụng	m ²	846
– Số máy tính sử dụng được	máy tính	660
– Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	660
3.5. Thư viện		
– Số phòng	Phòng	6
– Diện tích sử dụng	m ²	459
3.7. Ký túc xá		
– Số phòng	phòng	17
– Diện tích sử dụng	m ²	1.068
3.8. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²	3.200

Nguồn: Phòng Quản trị thiết bị

Sinh viên học lý thuyết, thảo luận nhóm tại các cơ sở:

- Cơ sở 4, 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7, TP.HCM.
- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

13.2. Thực hành các môn Tin học:

Các phòng máy tính của trường được đặt tại cơ sở (1) 2C Phở Quang (2) 2/4 Trần Xuân Soạn, bao gồm các máy tính được nối mạng và trang bị các phần mềm hiện đại, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và tiếp cận với công nghệ mới.

13.3. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo:

Thư viện của trường bao gồm các cơ sở:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7
- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM

Gồm có: sách, giáo trình các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

Đã duyệt

**TRƯỞNG KHOA
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Đã duyệt